TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2022/DS -ST
Ngày: 16/5/2022
(*V/v: Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thu Hà.
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Bính.
2. Bà Lê Thị Kiều Thu.
- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Ngô Thái Hà - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hường – Kiểm sát viên.

Vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 34/2022/TLST- DS ngày 24/01/2022 về việc " *Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXXST-DS ngày 07/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2022/QĐST-DS ngày 27/4/2022, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Ngân hàng A - Do bà Nguyễn Đức Thạch B, Tổng giám đốc đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ trụ sở: C, phường D, Quận E, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B: Ông Nguyễn Đắc F - Giám đốc Ngân hàng A – Chi nhánh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông F tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Hồng G, chuyên viên quản lý nợ.

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Nga H, sinh năm: 1975

Nơi cư trú: khu phố 6, phường I, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

Tại phiên tòa có mặt đại diện nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/03/2016, Bà Nguyễn Thị Nga H có ký với Ngân hàng A – Chi nhánh Bình Thuận Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng- các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng) đối với số thẻ 356480-8544 theo các nội dung như sau: Hạn mức sử dụng thẻ: 10.000.000 đồng; Mục đích: tiêu dùng; Lãi suất: 1,7%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, Bà Nguyễn Thị Nga H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 42.276.780 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, Bà Nguyễn Thị Nga H đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 41.335.313 đồng. Cụ thể: trừ phí thường niên, phí tin nhắn 1.847.000 đồng, phí vượt hạn mức 1.200.000 đồng, phí trễ hạn 1.430.549 đồng, lãi trong hạn 6.400.962 đồng và số còn lại là 30.456.802 đồng trừ vào số tiền khách hàng giao dịch (nợ gốc) (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Như vậy, nợ gốc của khách hàng còn thiếu là 11.819.978 đồng (42.276.780 đồng- 30.456.802 đồng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngày 06/06/2020, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu 11.819.978 đồng sang nợ quá hạn và dư nợ này chịu lãi suất quá hạn 2,6%/tháng (= 1,7%/tháng x 150%)(Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Lãi phát sinh từ ngày 06/06/2020 đến ngày 16/05/2022 là: 7.133.370 đồng. Như vậy, Tính đến ngày 16/05/2022, bà H còn nợ Ngân hàng theo thẻ tín dụng trên với tổng số tiền là 18.953.348 đồng (gồm: dư nợ gốc: 11.819.978 đồng, lãi 7.133.370 đồng). Mặc dù, Ngân hàng đã yêu cầu Bà H có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên, Bà H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng A kính đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề sau đây đối với bị đơn Nguyễn Thị Nga H sau:

1. Buộc Bà Nguyễn Thị Nga H phải trả ngay cho Ngân hàng A tổng số tiền tính đến ngày 16/05/2022 là 18.953.348 đồng, trong đó dư nợ gốc là 11.819.978 đồng, nợ lãi là 7.133.370 đồng.

2. Và có trách nhiệm thanh toán lãi phát sinh từ ngày 17/05/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Nga H có cư trú và có hộ khẩu thường trú tại khu phố 6, phường I, thành phố Phan Thiết, nhưng bà H không có mặt tại địa phương nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, vắng mặt bà Nguyễn Thị Nga H.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án**:** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng (nguyên đơn) đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo qui định của pháp luật. Và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Nga H có nơi cư trú, có hộ khẩu thường trú tại khu phố 6, phường I, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Nga H vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại điểm b khoản 02 Điều 227 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp nhận thấy:

Ngày 07/03/2016, Bà Nguyễn Thị Nga H có ký với Ngân hàng A – Chi nhánh Bình Thuận Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) đối với số thẻ 356480-8544, số tài khoản 3282847338 theo các nội dung như sau: Hạn mức sử dụng thẻ: 10.000.000 đồng; Mục đích: tiêu dùng; Lãi suất: 1,7%/tháng, lãi suất quá là 2,6%/tháng (1,7%/tháng x 150%/). Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị Nga H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 42.276.780 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, Bà Nguyễn Thị Nga H đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 41.335.313 đồng. Cụ thể: trừ phí thường niên, phí tin nhắn 1.847.000 đồng, phí vượt hạn mức 1.200.000 đồng, phí trễ hạn 1.430.549 đồng, lãi trong hạn 6.400.962 đồng và số còn lại là 30.456.802 đồng trừ vào số tiền khách hàng giao dịch (nợ gốc) (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), đến ngày 06/06/2020, bà H không thanh toán cho Ngân hàng nữa nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 11.819.978 đồng sang nợ quá hạn và dư nợ này chịu lãi suất quá hạn 2,6%/tháng (= 1,7%/tháng x 150%).

Xét thấy, bà H đã ký vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng kèm theo điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng vào ngày 07/3/2016, tại phần cam kết của Giấy đề nghị bà H đã xác nhận bà đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi điều khoản và điều kiện của thẻ tín dụng, ràng buộc về mặt pháp lý giữa bà với Ngân hàng đơn vị phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, bà chịu trách nhiệm đối với những nghĩa vụ và trách nhiệm phát sinh liên quan đến việc sử dụng thẻ tín dụng bà được cấp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vi phạm hợp đồng quy định tại mục 2, mục 18, mục 19 và mục 23 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kèm theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng vào ngày 07/3/2016, nên Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc còn lại là 11.819.978 đồng và tiền lãi quá hạn 7.133.370 đồng và tiền lãi suất phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 17/5/2022 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

Đây là việc vay tiền của tổ chức tín dụng nên lãi suất được áp dụng theo hợp đồng tín dụng giữa hai bên đã ký kết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 93, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466 Bộ Luật dân sự;

- Điều 91 Luật tổ chức tín dụng;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật thi hành án dân sự.

2/ Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A. Buộc Nguyễn Thị Nga H phải trả cho Ngân hàng A số tiền 18.953.348 đồng (trong đó tiền gốc là 11.819.978 đồng, tiền lãi quá hạn 7.133.370 đồng) và tiền lãi suất phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 17/5/2022 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa

thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 07/3/2016 kèm theo Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng A.

3/ Án phí: Bà Nguyễn Thị Nga H phải nộp 948.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền 382.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0004298 ngày 21/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

Án xử công khai có mặt đại diện theo ủy quyền nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND TP. Phan Thiết;*
- *Chi cục THADS TP. Phan Thiết;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thu Hà